TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2018
V/v "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Triệu Thị Phấy.
2. Ông Nguyễn Viết Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị T - Sinh năm: 1971.
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Vàng Văn T - Sinh năm: 1967.
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/6/2018 và bản tự khai ngày 03/7/2018 của chị Lù Thị T, chị trình bầy: Chị T và anh Vàng Văn T đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác ngày, tháng đăng ký kết hôn, do sơ suất của bản thân nên anh, chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Anh, chị cũng không nhớ được ai là người làm thủ tục đăng ký kết hôn, cũng không ai biết, không có ai làm chứng và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, khi về nhà chửi bới, đánh chị. Chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Năm 2015 con trai thứ 2 của anh chị chết do tai nạn, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều, và không thể khắc phục được. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn T.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2018, anh T cũng trình bầy: anh và chị T đăng ký kết hôn năm 1991, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên làm mất giấy chứng nhận kết hôn, anh cũng không nhớ ai làm thủ tục đăng ký kết hôn, không ai biết và không ai làm chứng, đến nay anh cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Quá trình chung sống đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T bế con về gia đình bên ngoại ở cùng xã Xuân Quang sinh sống, từ đó anh chán nản và có uống rượu, khi về nhà thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cãi nhau. Năm 2015, do con trai thứ hai qua đời nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, chị T không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh T đều xác nhận, anh chị có 2 con chung là cháuVàng Thị H - sinh năm 1992 và cháuVàng Việt Đ - sinh năm 1994. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường còn cháu Đ đã chết do tai nạn năm 2015 nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/7/2018 của chị T, chị T trình bầy vợ chồng có một số tài sản chung gồm nhà ở, đất ở và 02 xe mô tô, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai ngày 06/7/2018 của T, anh cũng xác nhận tài sản chung như chị T trình bầy là đúng nhưng anh muốn tự thỏa thuận với chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 27/7/2018, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vì chị và anh T muốn tự giải quyết và tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Về công nợ chung: Chị T và anh T đều xác nhận, anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Toà án đã tiến hành mở phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho các đương sự được biết và không ai có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lù Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Vàng Văn T đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, chị T và anh T đều có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị T và anh Vàng Văn T trình bầy là có đăng ký kết hôn năm 1991 nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án thì tại các bản tự khai, chị T và anh T đều xác nhận không nhớ người đã làm thủ tục đăng ký kết hôn, cũng không ai biết và không có ai làm chứng việc anh, chị đăng ký kết hôn. Chị T cũng đã làm đơn xin xác nhận và UBND xã

Xuân Quang xác định: Sau khi kiểm tra sổ sách lưu trữ tại UBND xã X về việc đăng ký kết hôn thì không có tên chị Lù Thị T và anh Vàng Văn T. Tại phiên tòa thì chị T và anh T đều thay đổi ý kiến và trình bầy là anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó không có căn cứ để xác định chị T và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, khi con chung thứ hai của anh chị qua đời thì anh T có chán nản và uống rượu. Từ đó anh chị hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không khắc phục được. Địa phương cũng đã xác nhận quá trình chung sống thì anh, chị có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T và anh T cũng nhất trí ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu xin ly hôn không được chấp nhận mà cần tuyên bố không công nhận chị Lù Thị T và anh Vàng Văn T là vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lù Thị T và anh Vàng Văn T đều xác nhận, có hai con chung là cháu Vàng Thị H - sinh năm 1992 và cháuVàng Việt Đ - sinh năm 1994. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường còn cháu Đ đã chết do tai nạn năm 2015 nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án thì chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, anh T cũng có bản tự khai nhất trí việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và cũng không có ý kiến gì khác. Do đó cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về công nợ chung: Anh, chị đều xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn nên không phải chịu án phí chia tài sản chung; Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Lù Thị T và anh Vàng Văn T là vợ chồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn do chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn;

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lù Thị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn do chị đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung; Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.600.000 đồng theo biên lai số 0007642 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị Lù Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 13.300.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên